

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ KIM HỒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH
TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 60.34.05

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS LÂM CHÍ DŨNG**

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Công Phương

Phản biện 2: PGS.TS Hà Thanh Việt

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 29 tháng 9 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tín dụng là hoạt động chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản của các ngân hàng, tạo thu nhập từ lãi lớn nhất và cũng là hoạt động gặp nhiều rủi ro nhất.

TĐTD trong cho vay ngắn hạn đối với DN cũng là nghiệp vụ chủ yếu của các NHTM Việt Nam hiện nay. Trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, VCB Đà Nẵng là một trong những NHTM lớn với hoạt động tín dụng phân lớn tập trung đầu tư cho các DN. Mặc dù đã rất cố gắng song các NHTM nói chung, VCB Đà Nẵng nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế trong việc TĐTD trong CVNH đối với DN.

Xuất phát từ thực tế đó, đề tài “*Hoàn thiện công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*” được chọn nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về TĐTD trong CVNH đối với DN của NHTM.

- Phân tích và đánh giá thực trạng về công tác TĐTD trong CVNH đối với DN tại VCB Đà Nẵng.

- Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác TĐTD trong CVNH đối với doanh nghiệp tại VCB Đà Nẵng.

* Câu hỏi nghiên cứu

- Công tác TĐTD trong CVNH đối với DN của NHTM bao gồm những vấn đề gì? Tiêu chí đánh giá công tác này?

- Thực trạng công tác TĐTD trong CVNH tại VCB Đà Nẵng đã

diễn ra như thế nào? Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế đó trong công tác TĐTD trong CVNH đối với DN tại VCB Đà Nẵng.

- VCB Đà Nẵng cần làm gì để hoàn thiện công tác TĐTD trong CVNH đối với DN nhằm tránh gặp phải những hệ quả tiêu cực như nợ quá hạn, nợ xấu, mất vốn...?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu:

Những vấn đề lý luận liên quan đến công tác TĐTD trong CVNH đối với DN tại NHTM và thực tiễn TĐTD trong CVNH tại VCB Đà Nẵng

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng

+ Về thời gian: số liệu và thực trạng hoạt động trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, các phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu: so sánh, tổng hợp, thống kê, phân tích....

*** Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- Góp phần hệ thống hóa các lý luận về TĐTD trong CVNH đối với DN của NHTM, gắn với việc xem xét, đánh giá thực trạng công tác TĐTD trong CVNH đối với DN của VCB Đà Nẵng, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất giải pháp có tính thực tiễn nhằm hoàn thiện công tác TĐTD trong CVNH đối với DN tại VCB Đà Nẵng.

5. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tài liệu, kết luận, tài liệu tham

khảo, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn của NHTM

- Chương 2: Thực trạng công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với DN tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với DN tại VCB Đà Nẵng.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Có rất nhiều nghiên cứu có liên quan

+ Luận văn Thạc sỹ: *“Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Ngoại Thương Quảng Nam”* của tác giả Trần Thị Nhu Lai (2008) tại Đại học Đà Nẵng

+ Luận văn Thạc sỹ: *“Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án cho vay tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Đà Nẵng”* của tác giả Hồ Thân Ái Vân (2012) tại Đại học Đà Nẵng.

+ Luận văn Thạc sỹ: *“Hoàn thiện công tác thẩm định cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Chi nhánh Hải Châu”* của tác giả Nguyễn Thị Hương (2013) tại Đại học Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1 Hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

a. Khái niệm hoạt động cho vay

Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

b. Nguyên tắc hoạt động cho vay

1.1.2 Cho vay ngắn hạn đối với DN tại NHTM

a. Khái niệm cho vay ngắn hạn đối với DN của NHTM

Cho vay ngắn hạn là loại hình cho vay có thời hạn dưới 1 năm. Mục đích của loại cho vay này thường là nhằm tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản lưu động.

b. Đặc điểm cho vay ngắn hạn đối với DN của NHTM

- Thời hạn của hợp đồng tín dụng ngắn hạn không quá 12 tháng.
- CVNH nhằm bổ sung vốn lưu động tạm thời thiếu của các DN.
- Đối tượng cho vay bao gồm: Giá trị vật tư hàng hóa là các vật tư, nguyên vật liệu chuẩn bị cho sản xuất và thành phẩm hàng hóa sẵn sàng cho tiêu thụ; Chi phí sản xuất và lưu thông để tạo ra thành phẩm;
- Lãi suất CVNH thường thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn.
- CVNH gắn liền với chu kỳ ngân quỹ và nhu cầu vốn thời vụ của DN.

c. Các loại hình cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của

NHTM

- Các khoản cho vay mua hàng dự trữ:
- Cho vay vốn lưu động
- CVNH các công trình xây dựng.
- Cho vay kinh doanh chứng khoán.
- Cho vay kinh doanh bán lẻ.
- Cho vay trên tài sản.

d. Phương thức cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của

NHTM

- Cho vay từng lần.
- Cho vay theo hạn mức tín dụng.

e. Vai trò của cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp

- Đối với ngân hàng:
 - + Góp phần nâng cao lợi nhuận cho ngân hàng
 - + Phân tán rủi ro trong cho vay của ngân hàng.
 - + Là tiền đề và cơ sở để NH mở rộng và phát triển các nghiệp vụ khác như: huy động vốn, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, ...
- Đối với DN:
 - + Bổ sung nguồn vốn cho nhu cầu tài trợ ngắn hạn thường xuyên.
 - + Bổ sung nguồn vốn cho nhu cầu tài trợ ngắn hạn thời vụ.
 - + Thúc đẩy DN mở rộng hoạt động SXKD.

1.1.3 Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp

a. Khái niệm rủi ro tín dụng

RRTD là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động NH của TCTD do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết RRTD trong CVNH đối với DN là

rủi ro mà các dòng tiền được hẹn trả theo hợp đồng (tiền gốc, tiền lãi hoặc cả hai) từ các khoản cho vay để thực hiện phương án/kế hoạch SXKD của DN không được hoàn trả đầy đủ.

b. Phân loại RRTD

Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro, rủi ro tín dụng được phân chia thành các loại sau đây:

- Rủi ro giao dịch
- + Rủi ro lựa chọn
- + Rủi ro bảo đảm
- + Rủi ro nghiệp vụ
- Rủi ro danh mục
- + Rủi ro nội tại:
- + Rủi ro tập trung.

d. Hậu quả của rủi ro tín dụng ngân hàng

- Hậu quả của rủi ro tín dụng đối với ngân hàng
- Hậu quả của rủi ro tín dụng đối với khách hàng
- Hậu quả của rủi ro tín dụng đối với nền kinh tế

e. Đặc điểm của RRTD trong cho vay ngắn hạn

1.2 THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CỦA NHTM.

1.2.1 Khái niệm thẩm định tín dụng trong CVNH đối với doanh nghiệp

a. Khái niệm thẩm định tín dụng trong CVNH đối với doanh nghiệp

Thẩm định tín dụng trong CVNH đối với DN là việc phân tích, xem xét và đánh giá toàn diện bộ hồ sơ vay vốn ngắn hạn của DN bao gồm hồ sơ pháp lý, hồ sơ kinh tế, tính hiệu quả của phương án xin vay trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cho vay để đưa ra kết luận về hiệu

quả và mức độ rủi ro của phương án phục vụ cho quyết định cho vay của NH.

b. Đặc điểm của thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn

- Thời gian thẩm định ngắn.
- Dự báo dòng tiền dễ dàng.
- Cơ sở để thẩm định dựa vào hồ sơ khách hàng cung cấp, số liệu từ BCTC và thông tin khai thác nội bộ hoặc bên ngoài.
- Phương pháp thẩm định CVNH đơn giản hơn so với thẩm định TDH.
- Xác định mức cho vay chủ yếu dựa vào nhu cầu vốn lưu động thực tế của DN.

1.2.2 Nội dung công tác TĐTD trong CVNH đối với DN của NHTM

a. Tiếp nhận hồ sơ

- Thông thường CBTD là người tiếp nhận hồ sơ vay và hướng dẫn khách hàng các điều kiện vay vốn.

b. Tiến hành thẩm định

- CBTD tiến hành kiểm tra bộ hồ sơ đề nghị vay.

- Các nội dung thẩm định chủ yếu:

▪ *Thẩm định tư cách pháp lý đối với khách hàng vay vốn*

▪ *Thẩm định khả năng tài chính của doanh nghiệp*

+ Phân tích bảng cân đối kế toán

+ Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh

+ Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ

+ Phân tích các hệ số tài chính chủ yếu.

+ Đánh giá tình hình tài chính của DN vay vốn.

▪ *Thẩm định phương án vay vốn:*

Phương án sản xuất kinh doanh là một tập hợp những đề xuất

về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương xứng thu được trong một khoảng thời gian xác định được với hoạt động cụ thể để SXKD.

- *Thẩm định các phương pháp đảm bảo tín dụng*
- Thẩm định tính pháp lý giấy tờ TSĐB.
- Tình trạng sở hữu, tranh chấp, quy hoạch.
- Tài sản có được có phép giao dịch.
- Tài sản phải mua bảo hiểm.
- Tính thanh khoản của TSĐB.
- Giá trị tài sản.
- *Tình hình quan hệ với các tổ chức tín dụng*
- *Chăm điểm, xếp hạng tín dụng khách hàng vay vốn*
- *Thẩm định rủi ro tín dụng độc lập đối với khoản vay*

Là việc tái thẩm định khoản vay một cách độc lập được thực hiện bởi một bộ phận chuyên trách không thuộc các thành viên đã tham gia TĐTD ban đầu.

c. Kết luận thẩm định

1.2.3 Nguồn thông tin để thẩm định

- a. Hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng***
- b. Thông tin lưu trữ tại ngân hàng***
- c. Thông tin từ các cuộc điều tra, phỏng vấn***
- d. Nguồn thông tin từ các cơ quan chức năng***
- e. Các nguồn thông tin khác***

1.2.4 Tiêu chí đánh giá kết quả công tác thẩm định cho vay ngắn hạn

a. Tổng số phương án vay của doanh nghiệp được tiếp nhận và thẩm định

b. Tỷ lệ số phương án vay của doanh nghiệp được cho vay có phát sinh nợ xấu trên tổng số phương án đã cho vay

c. Tỷ lệ nợ xấu CVNH doanh nghiệp trên tổng dư nợ CVNH doanh nghiệp

d. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng CVNH đối với doanh nghiệp

e. Thời gian và chi phí thẩm định cho một phương án vay ngắn hạn của DN

1.2.5 Nhân tố ảnh hưởng đến công tác thẩm định trong CVNH đối với DN

a. Các nhân tố bên trong

- Trình độ đội ngũ CBTD
- Phương pháp thẩm định
- Công tác tổ chức hoạch định tín dụng
- Thông tin tín dụng
- + Thông tin từ hồ sơ đề nghị vay của khách hàng
- + Thông tin lưu trữ lại ngân hàng
- + Thông tin từ phỏng vấn và điều tra khách hàng
- + Các nguồn thông tin khác
- Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngân hàng
- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ

b. Các nhân tố bên ngoài

- Từ phía doanh nghiệp
- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp lý

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VCB ĐÀ NẴNG

2.1 GIỚI THIỆU VỀ VCB ĐÀ NẴNG

2.1.1 Lịch sử hình thành VCB Đà Nẵng

- Quyết định số 31/QĐ ngày 30/04/1975 thành lập Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương trực thuộc Ngân hàng Khu Trung Trung bộ

- Quyết định số 520/QĐ-NHNN.TCCB-ĐT ngày 05/06/2008, Chi nhánh đã chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức của VCB Đà Nẵng

Gồm:

Ban giám đốc: 1 Giám đốc và 3 Phó Giám đốc

Dưới Ban Giám đốc :

Tại trụ sở chính 142 Lê Lợi – Thành phố Đà Nẵng, có 11 phòng ban, 02 tổ và 8 phòng giao dịch trực thuộc

2.1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh chủ yếu của VCB Đà Nẵng

a. Hoạt động huy động vốn

Đến cuối năm 2013, VCB Đà Nẵng đạt số dư huy động vốn là 3.972 tỷ đồng, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

b. Hoạt động cho vay

Đến cuối năm 2013, dư nợ tín dụng đạt 4.156 tỷ đồng, tăng 18,8% so với cuối năm 2012.

- Tỷ lệ nợ quá hạn so tổng dư nợ đến 31/12/2013 là 0,32%. Dư nợ quá hạn đến 31/12/2013 là 13,3 tỷ đồng, giảm hơn 6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2012.

- Nợ xấu (theo điều 7 Quyết định số 493) đến 31/12/2013 là 20,1 tỷ đồng, giảm 8,5 tỷ đồng so với 31/12/2012 và chiếm 0,48% trên tổng dư nợ.

c. Các hoạt động khác

+ **Thanh toán xuất nhập khẩu**

Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu năm 2013 của Chi nhánh đạt 598,2 triệu USD tăng 30,7% so với năm ngoái và đạt 112,2% kế hoạch năm 2013.

+ **Kinh doanh ngoại tệ:**

Doanh số mua bán ngoại tệ trong năm 2013 tăng 33,3% so với thực hiện năm 2012

+ **Thanh toán thẻ**

+ **Ngân hàng điện tử**

d. Kết quả kinh doanh

Bảng 2.4: Kết quả kinh doanh của VCB Đà Nẵng 2011 – 2013

Đơn vị: tỷ đồng.

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	Tăng trưởng (%)	
				2012/2011	2013/2012
1. Thu nhập	455,89	504,25	797,80	10,61	58,22
2. Chi phí	316,67	338,43	644,00	6,87	90,29
3. Chênh lệch thu chi	139,22	165,82	153,80	19,11	-7,25

(Nguồn: VCB Đà Nẵng)

Chênh lệch thu chi năm 2013 đạt 153,8 tỷ đồng, giảm 7,3% so với chênh lệch thu chi năm 2012.

2.2.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VCB ĐÀ NẴNG

2.2.1 Tổng quan về hoạt động CVNH đối với DN tại VCB Đà Nẵng

a. Tình hình khách hàng doanh nghiệp vay ngắn hạn tại VCB Đà Nẵng

Số lượng DN vay vốn tại VCB Đà Nẵng liên tục tăng qua từng năm

b. Đặc điểm doanh nghiệp vay vốn ngắn hạn tại VCB Đà Nẵng

- Loại hình doanh nghiệp:

+ Các DN có vốn nhà nước luôn được đánh giá hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

+ Các DN không có vốn nhà nước, giá trị đầu tư dài hạn, đầu tư chiều sâu không lớn, nguồn nhân lực hạn hẹp nhưng hoạt động khá hiệu quả, nhưng việc thẩm định hồ sơ nhóm DN này khá cần trọng, mức độ đảm bảo bằng tài sản cao.

+ Các DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm số lượng ít nhưng mức đóng góp dư nợ lớn.

- Ngành nghề SXKD, cung cấp dịch vụ của DN rất đa dạng nên nhu cầu vay vốn cũng rất đa dạng.

c. Các phương thức cho vay ngắn hạn tại VCB Đà Nẵng

- Phương thức cho vay từng lần

- Phương thức cho vay hạn mức

d. Lĩnh vực hoạt động SXKD của DN vay vốn ngắn hạn tại VCB Đà Nẵng

Các DN vay vốn ngắn hạn tại VCB Đà Nẵng hoạt động trong nhiều ngành kinh tế khác nhau, có thể phân thành 9 ngành chính.

2.2.2 Thực trạng thực hiện các nội dung của công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại VCB Đà Nẵng

a. Về công tác tổ chức

- CBTD là người trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, thu thập thông tin, lập BCTĐ,

- Lãnh đạo Phòng KHDN: kiểm tra, rà soát lại và cho ý kiến đề xuất, ký duyệt và hồ sơ chuyển lên Ban Lãnh đạo Chi nhánh

- Ban Lãnh đạo phụ trách mảng tín dụng doanh nghiệp: Rà soát Báo cáo thẩm định đã có ý kiến của Lãnh đạo Phòng KHDN và cho ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cho vay

Như vậy, CBTD tại Phòng KHDN thực hiện toàn bộ công tác thẩm định từ việc tiếp nhận hồ sơ vay vốn của Đà Nẵng.

b. Phương pháp thẩm định

VCB Đà Nẵng đã sử dụng phương pháp thẩm định trực tiếp, và sử dụng hệ thống các chỉ số tài chính để từ đó đánh giá được tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

c. Quy trình thẩm định

Hiện nay VCB đã ban hành hai quy trình hướng dẫn việc cấp tín dụng đối với khách hàng

+ Quy trình 246/QĐ-NHNT.CSTD ngày 22/07/2008

+ Quy trình 36/QĐ-NHNT.CSTD ngày 28/01/2008.

Hai quy trình hướng dẫn về việc cấp tín dụng trên chi khác nhau về thẩm quyền phê duyệt tín dụng.

** Công tác Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ vay của KH.*

- CBTD hướng dẫn khách hàng các điều kiện vay vốn.

** Công tác Thu thập thông tin cần thiết bổ sung.*

- Nguồn thông tin mà CBTD có thể thu thập từ:
- + Bộ hồ sơ đề nghị vay của DN.
- + Thông tin về DN, định hướng ngành được lưu trữ tại Ngân hàng
- + Thông tin từ phỏng vấn doanh nghiệp
- + Các nguồn thông tin từ CIC, báo chí, đối thủ cạnh tranh của DN...

- Thông tin về khách hàng vay vốn
- Thông tin về phương án vay vốn
- Kiểm tra xác minh những thông tin
- * *Công tác Thẩm định thông qua dữ liệu thông tin có được.*

Thẩm định tình hình chung của doanh nghiệp:

- Thẩm định tư cách pháp lý của DN
- Thẩm định năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo
- Thẩm định năng lực hoạt động kinh doanh của DN
- Thẩm định các yếu tố đầu vào
- Thẩm định đầu ra của sản phẩm:

Thẩm định tình hình tài chính của doanh nghiệp:

- Thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho việc phân tích.
- Nội dung: Phân tích bảng cân đối kế toán, Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh, Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Phân tích tập trung những khoản mục thay đổi lớn, những hạng mục lớn trong báo cáo tài chính, giải thích biến động,..

- Phân tích các hệ số tài chính chủ yếu:
- CBTD tiến hành nhận xét về tình hình tài chính DN.

Thẩm định phương án vay:

- Mục đích sử dụng vốn:

- Thẩm định phương án SXKD:

+ Tính pháp lý:

+ Tính khả thi: Thị trường đầu vào, Thị trường đầu ra.

+ Thẩm định tài chính của phương án SXKD.

- Các rủi ro liên quan đến việc cấp tín dụng.

Thẩm định nhu cầu vốn vay:

- Phương thức cho vay từng lần:

Nhu cầu vay = Tổng nhu cầu vốn – Vốn tự có – Vốn khác

- Phương thức cho vay hạn mức:

+ Cơ sở xác định: Căn cứ vào dự kiến mức doanh thu đạt được

ở trên

+ Xác định hạn mức tín dụng:

$$\text{Hạn mức tín dụng} = \frac{\text{Tổng nhu cầu vốn SXKD trong năm kế hoạch}}{\text{Vốn tự có}} - \text{Vốn khác}$$

- Đánh giá khả năng trả nợ và nguồn trả nợ

- Xác định Thời hạn cho vay

Xếp hạng tín dụng nội bộ doanh nghiệp:

- Các trường hợp phải XHTDNB: Khách hàng là DN bắt buộc phải XHTDNB gồm:

+ Có dư nợ từ 5 tỷ quy đồng trở lên; hoặc

+ Có cam kết ngoại bảng có giá trị từ 5 tỷ quy đồng trở lên, sau khi đã trừ phần số dư ngoại bảng được bảo đảm toàn bộ bằng tài sản có tính thanh khoản cao; hoặc

+ Thuộc thẩm quyền rà soát của Hội sở chính.

Các DN còn lại khuyến khích chấm điểm XHTDNB.

Phân tích quan hệ tín dụng với VCB và các TCTD khác:

Phân tích số liệu quan hệ tín dụng tại VCB & các TCTD thời

điểm gần nhất. Có phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn trong vòng 12 tháng tại các TCTD hay không? Nếu có, số tiền là bao nhiêu. Lý do

Thẩm định tài sản đảm bảo:

- + Kiểm tra tình trạng thực tế của TSĐB.
- + Thẩm định về nguồn gốc của TSĐB, số lượng, ...
- + Thẩm định khả năng phát mãi của TSĐB, rút ra kết luận
- + Cơ sở định giá
- + Phương pháp định giá: Phương pháp so sánh; Phương pháp chi phí,...

+ Quản lý TSĐB: VCB khuyến nghị các tài sản đảm bảo nên thuê Công ty thẩm định giá độc lập để định giá,

Về giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định giá: có thể nhất trí với nội dung Báo cáo thẩm định giá tài sản do Công ty thẩm định giá thực hiện, hoặc nêu ra cơ sở để định giá cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trên Chứng thư

**** Kết luận thẩm định:***

2.2.3 Kết quả của công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại VCB Đà Nẵng

a. Tổng số phương án vay của DN được tiếp nhận và thẩm định

b. Tỷ lệ số phương án vay của doanh nghiệp được cho vay có phát sinh nợ xấu trên tổng số phương án đã cho vay:

c. Tỷ lệ nợ xấu CVNH doanh nghiệp trên tổng dư nợ CVNH doanh nghiệp

d. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng CVNH đối với doanh nghiệp

e. Thời gian thẩm định cho một phương án vay ngắn hạn của DN

2.2.4 Đánh giá chung công tác TĐTD trong CVNH đối với DN tại VCB Đà Nẵng

a. Thành công của công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại VCB Đà Nẵng

+ Số lượng PAV được thẩm định và đồng ý cho vay tăng, Dự nợ CVNH tăng, tỷ lệ nợ xấu CVNH đối với DN giảm.

+ Các yêu cầu về hồ sơ, tài liệu làm căn cứ thẩm định đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý

+ Nội dung thẩm định khoản vay ngắn hạn đối với DN được xây dựng chi tiết

+ Công tác tổ chức thẩm định bài bản, khoa học, không bị chòng chẹo.

+ Trang thiết bị phục vụ cho CBTD được trang bị đồng bộ.

+ Chi nhánh đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động thẩm định CVNH đối với DN

b. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế của công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại VCB Đà Nẵng

- *Hạn chế:*

+ Một số nội dung thẩm định còn chưa tập trung phân tích sâu

+ Nguồn thông tin phục vụ cho công tác thẩm định còn hạn chế, việc xử lý thông tin của CBTD cũng còn hạn chế

+ Công tác thẩm định cho vay chưa có sự phân công rõ ràng theo hướng chuyên môn hoá đối với từng CBTD.

+ Nhân sự chưa đáp ứng nhu cầu đối với công tác thẩm định.

+ Chưa có hệ thống các chỉ tiêu ngành làm chuẩn và chưa có sự so sánh tương quan ngành.

+ Mức độ đánh giá được các rủi ro có thể xảy ra còn thấp.

+ Công tác thẩm định TSĐB còn quá phụ thuộc vào Công ty

thẩm định giá độc lập.

- *Nguyên nhân của hạn chế*

+ Công tác tổ chức quản lý hoạt động thẩm định chưa được quan tâm đúng mức.

+ Thiếu công cụ hỗ trợ cho việc khai thác và xử lý thông tin.

+ Công tác đào tạo CBTD chưa thường xuyên và chưa được chú trọng

+ Thiếu kiểm tra, kiểm soát trong công tác thẩm định nên chất lượng chưa đảm bảo

+ Quản trị nguồn nhân lực chưa hiệu quả:

+ Các nguyên nhân khác từ phía DN.

- Môi trường pháp lý chưa đồng bộ.

- Chất lượng nguồn thông tin đầu vào phục vụ cho công tác

thẩm định chưa cao.

- Môi trường kinh tế - xã hội còn thường xuyên biến động..

- Một số DN cố tình sử dụng vốn vay sai mục đích sau khi giải ngân.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VCB ĐÀ NẴNG

3.1 ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DN TẠI VCB ĐÀ NẴNG

3.1.1 Định hướng của VCB TW

Đối với hoạt động tín dụng thì mục tiêu đặt ra là đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng trên nguyên tắc không hạ chuẩn cho vay.

3.1.2 Định hướng của VCB Đà Nẵng

Có thể cạnh tranh bằng lãi suất nhưng không hạ chuẩn cho vay, chú ý tăng trưởng đều trong kỳ thay vì tập trung vào cuối kỳ. .

3.1.3 Định hướng đối với công tác hoàn thiện thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại VCB Đà Nẵng

- Cấp tín dụng cho các khách hàng khi có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả. Kiên quyết không hạ chuẩn cho vay.

- Đổi mới cơ cấu tín dụng

- Tổ chức các lớp đào tạo tín dụng cho cán bộ một cách thường xuyên và quy mô.

- Quy định mức thu hồi nợ xấu đối với từng CBTD.

- Chú trọng đặc biệt các khâu thẩm định hồ sơ vay vốn, năng lực tài chính và uy tín khách hàng, thẩm định tài sản đảm bảo..

3.2 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VCB ĐÀ NẴNG

3.2.1 Hoàn thiện tổ chức quy trình thẩm định.

Chi nhánh cần phân công cụ thể cho CBTD phối hợp với các Phòng nghiệp vụ nội bộ. Lãnh đạo Phòng KHDN chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các cơ quan, ban ngành.

- Phân công, phân nhiệm cho CBTD một cách chuyên môn hóa.
- Việc phân công cán bộ phải dựa vào khả năng thực lực của mỗi người, để phát huy hơn nữa trình độ, kinh nghiệm và thế mạnh của mỗi CBTD nhằm đạt được hiệu quả trong công tác thẩm định.

Phân công thẩm định chuyên sâu theo từng ngành nghề kinh doanh, từng loại hình DN, kết hợp phân công làm việc theo nhóm

3.2.2 Bảo đảm chất lượng khâu thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho công tác thẩm định

- Tăng cường thu thập thông tin thông qua phỏng vấn trực tiếp DN
- Xây dựng mối quan hệ với các cơ quan ban ngành, DN có liên quan để hỗ trợ trong việc khai thác thông tin
- Chú trọng nguồn thông tin tín dụng CIC của NHNN
- Vận dụng nguồn thông tin từ báo chí
- Tự động hóa chương trình phạm mền khai thác thông tin

3.2.3 Khắc phục một số hạn chế về nội dung TĐTD trong cho vay ngắn hạn đối với DN

a. Đối với thẩm định tư cách khách hàng

- CBTD cần thẩm định kỹ hơn về uy tín và đạo đức của người lãnh đạo DN, năng lực điều hành cũng như kinh nghiệm.

b. Đối với thẩm định tài chính doanh nghiệp

- Kiểm tra tính chính xác của báo cáo tài chính.

- Phân tích cân đối về tài sản và nguồn vốn của.
- Phân tích tình hình công nợ của Đà Nẵng.
- CBTD cần phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đặc biệt là lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh.
- Tính toán và phân tích các chỉ số tài chính, CBTD cần so sánh với các chỉ số bình quân ngành, của đối thủ cạnh tranh.

c. Đối với thẩm định phương án SXKD

- Thẩm định các khoản mục của phương án/kế hoạch SXKD một cách đầy đủ, độ chính xác cao.
- Chú trọng đến phân tích rủi ro của phương án/kế hoạch SXKD.

d. Đối với thẩm định TSĐB

- Thẩm định về tính chất pháp lý của TSĐB.
- Thẩm định về giá trị.

3.2.4 Hoàn thiện phương pháp thẩm định

a. Quy định hướng dẫn về các phương pháp thẩm định

- Cần đưa ra quy định, hướng dẫn thực hiện các phương pháp thẩm định để áp dụng trong công tác thẩm định tại Chi nhánh.

b. Kết hợp sử dụng nhiều phương pháp, nhiều chỉ tiêu

- Phải kết hợp sử dụng phương pháp dự báo để đưa ra dự báo.
- Cần phải áp dụng thêm phân tích tình huống, phân tích mô phỏng, dự đoán.

3.2.5. Thường xuyên hệ thống hóa các văn bản, quy định, quy chế của ngành và cải tiến công tác triển khai văn bản

- Các loại văn bản phải được cập nhật một cách sớm nhất.
- Chi nhánh phải xây dựng kế hoạch triển khai, tập huấn hoặc phổ biến các văn bản mới thường xuyên.

3.2.6. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác thẩm định tín

dụng trong CVNH đối với doanh nghiệp theo định kỳ

- Cần phải đánh giá công tác thẩm định định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng.

3.2.7 Đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với báo cáo kết quả phân tích

Nâng cao trình độ, ý thức trách nhiệm của CBTD trong việc lập tờ trình.

Khi trình bày báo cáo kết quả thẩm định nên yêu cầu CBTD phân tích và trình bày đầy đủ các yếu tố phân tích về DN

3.2.8 Chú trọng nâng cao trình độ, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ CBTD

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác bồi dưỡng, đào tạo CBTD các nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến công tác thẩm định .

- Thường xuyên tổ chức, phổ biến các văn bản pháp luật, quy định NH liên quan đến công tác thẩm định

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích cho CBTD tự đào tạo nâng cao trình độ bằng sự hỗ trợ về học phí, thời gian,..

3.2.9 Một số giải pháp hỗ trợ

a. Tạo sự hợp tác từ doanh nghiệp

b. Chủ động hơn nữa trong việc giúp đỡ các doanh nghiệp trong việc lập và kiểm tra phương án SXKD

3.3 KIẾN NGHỊ

3.3.1 Đối với Chính phủ

Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước với hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó Chính phủ phải tăng cường kiểm soát nền kinh tế - chính trị - xã hội ổn định.

Quy định một hệ thống kế toán thống nhất và đồng bộ, thực hiện chế độ kiểm soát bắt buộc, đầy đủ và rõ ràng.

Đề nghị Bộ Tài chính trong thời gian tới phải hoàn thiện hơn nữa các văn bản pháp luật hướng dẫn thẩm định.

Cục Thuế và các cơ quan hữu quan cần xây dựng kế hoạch kiểm tra quá trình hoạt động của các doanh nghiệp...

Sở Kế hoạch đầu tư cần thông tin rộng rãi về tình hình doanh nghiệp thành lập, giải thể và cả kết quả kinh doanh.

UBND Tp Đà Nẵng cần tiến hành xây dựng khung giá đất chuẩn, sát với tình hình biến động giá đất trên địa bàn.

3.3.2 Đối với Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng nhà nước cần chỉnh sửa, bổ sung và ban hành một số cơ chế tín dụng phù hợp với môi trường kinh doanh của Việt Nam hiện nay.

Cần có những chính sách cho vay ưu đãi nhằm hỗ trợ và giải quyết khó khăn

Cần tích cực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy chế hoạt động cho vay.

Nên thành lập trung tâm chuyên thực hiện phát mãi tài sản giúp cho các NHTM thuận lợi trong quá trình thu hồi vốn.

Cần nâng cao chất lượng hơn nữa hiệu quả hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng CIC.

Xây dựng các chỉ tiêu trung bình ngành.

3.3.3 Đối với VCB

- Cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ thẩm định

- Cần cập nhật, tổng hợp và lưu trữ các thông tin liên quan đến các ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp.

- VCB cần nghiên cứu và nhanh chóng hoàn thiện nội dung quy trình thẩm định cho vay theo hướng cụ thể và chi tiết hơn.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu trong khoảng thời gian từ năm 2011-2013, công tác thẩm định cho vay đối với doanh nghiệp của VCB Đà Nẵng đã đem lại những hiệu quả nhất định trong hoạt động Ngân hàng, tuy nhiên Chi nhánh vẫn còn những hạn chế nhất định.

Với điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh, cơ sở vật chất và khả năng về nội lực, khi VCB Đà Nẵng đã xác định rõ ràng những hạn chế và chú trọng xây dựng hệ thống giải pháp hoàn thiện phù hợp, hiệu quả công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp có thể còn đóng góp vào kết quả kinh doanh của Chi nhánh cao hơn nữa.

Việc xác định những tồn tại và nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác thẩm định tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp và một số giải pháp để hoàn thiện, hạn chế rủi ro cho hoạt động kinh doanh của VCB Đà Nẵng được nghiên cứu trong luận văn này cũng chỉ là những cố gắng ban đầu của tác giả.

Với mong muốn hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, nhưng do bị chi phối bởi nhiều yếu tố về mặt chủ quan và khách quan. Luận văn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế.